

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 25/01/2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Nga.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Huy;
2. Bà Trương Thị Bích Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Văn Nguyệt Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc tham gia phiên tòa: Ông Lưu Tiên Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 25/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 352/2017/TLST - HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐST - HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Bé L, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp 5, xã Khánh H, huyện U M, tỉnh Cà M.

Bị đơn: Anh Trịnh Văn C, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 23, tổ 16, Lô I 2, khu dân c khóm 8, phường Châu P, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Người làm chứng:

Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 23, tổ 16, Lô I 2, khu dân c khóm 8, phường Châu P, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

Chị Huỳnh Bé L có mặt;

Anh Trịnh Văn C vắng mặt;

Chị Trịnh Thị T có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng đề ngày 25/9/2017 và trong quá trình xét xử, chị Huỳnh Bé L cho biết:

Chị (Huỳnh Bé L) và anh Trịnh Văn C tự tìm hiểu, quen biết nhau và tiến đến hôn nhân vào năm 2008. Cả 02 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh H, huyện U M, tỉnh Cà M ngày 19/02/2008.

Chị L khai: Cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc do không đồng thuận, tính tình không phù hợp, từ đó phát sinh mâu thuẫn và hiện nay không còn sống chung từ năm 2015 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, chị có yêu cầu xin ly hôn anh C.

* Về con chung: Vợ chồng sanh 01 con chung gồm có:

Trịnh Như H, sinh ngày 03/11/2008; hiện do chị nuôi dạy. Chị L có yêu cầu nuôi dạy con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

* Tài sản chung – nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã triệu tập anh Trịnh Văn C 03 lần nhưng anh C không cung cấp ý kiến và không đến Tòa án tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên không tiến hành hòa giải được.

** Các tài liệu, chứng cứ do chị L cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu của mình:*

Giấy khai sinh tên Trịnh Như H, sinh ngày 03/11/2008 (Bản sao);

Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao);

** Các tài liệu, chứng cứ do chị Trịnh Thị T cung cấp:*

- Bản photo Sổ Hộ khẩu gia đình có tên anh Trịnh Văn C.

Chị Trịnh Thị T là chị của anh C cho biết:

Chồng chị có nhận thông báo thụ lý vụ án số 370/TBTLVA ngày 05/6/2017; Thông báo số 352/TB – TA ngày 09/10/2017; Thông báo số 640/TB – TA ngày 05/12/2017 và chị có nhận Thông báo ngày 09/10/2017; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2017/QĐXXST – HN ngày 07/12/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/QĐHPT ngày 11/01/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc. Sau khi nhận được chị có liên lạc và thông báo cho anh C biết nhưng do C đi làm thuê nên không thể đến Tòa án theo yêu cầu của Tòa án.

Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về tình cảm và con chung, nhưng anh C không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

- *Hội đồng xét xử công bố:*

Ý kiến của chị Thảo.

- *Phát biểu của Kiểm sát viên:*

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn đã được triệu lệ, thuộc trường hợp Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Nhận thấy, giữa chị L và anh C có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng, chị L cho biết vợ chồng bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn và cùng nhiều lần hàn gắn nhưng anh C vẫn không thay đổi, không quan tâm chăm sóc gia đình

Căn cứ lời khai của chị L, lời khai của chị Trịnh Thị T cho thấy vợ chồng chị L có mâu thuẫn, không hạnh phúc. Hiện vợ chồng cũng đã không còn sống chung nhiều năm. Do đó, việc chị L khởi kiện ly hôn với anh C là có căn cứ.

Con chung: Chị L đang nuôi dạy con chung nên giao cho chị L nuôi, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[Về tố tụng]:

Về thẩm quyền:

Nguyên đơn chị Huỳnh Bé L khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Trịnh Văn C. Anh C cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt của bị đơn:

Anh Trịnh Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[Về nội dung]:

Chị L và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện sau thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau; tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh H, huyện U M, tỉnh Cà M ngày 19/02/2008.

Chị L cho rằng: Vợ chồng chị trong thời gian đầu sống chung với nhau hạnh phúc. Thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và nay không còn sống chung với nhau từ năm 2015 cho đến nay, lời khai của chị phù hợp với lời khai của chị Trịnh Thị T (chị của anh C).

Thấy rằng, vợ chồng chung sống phải có nghĩa vụ yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, vun đắp và cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng hiện nay anh Hiếu không còn sống chung và không quan tâm chăm sóc vợ con với những căn cứ vừa nêu cho thấy đã có sự vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh C là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[Về con chung]:

Trong thời gian chung sống, chị L khai sinh được 01 (một) con chung tên: Trịnh Như H, sinh ngày 03/11/2008, phù hợp Giấy khai sinh do bà L cung cấp cho Tòa án và phù hợp lời khai của chị T (chị của anh C). Hiện nay con chung đang sống cùng chị. Chị L yêu cầu được nuôi dạy con chung và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L được tiếp tục nuôi dạy con chung và anh C không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung, do chị L không yêu cầu.

[Về tài sản chung, nợ chung]:

Bà L khai không có và phù hợp với lời khai của chị T, chị L không yêu cầu Tòa án xem xét nên không đề cập giải quyết.

[Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm]:

Chị L chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà chị L đã nộp. Chị L đã nộp đủ án phí.

Ông C không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Bé L;

Chị Huỳnh Bé L được ly hôn với anh Trịnh Văn C.

2. Về nuôi con chung:

Giao con chung Trịnh Như H, sinh ngày 03/11/2008 cho chị Huỳnh Bé L trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Trịnh Văn C không phải cấp dưỡng cho chị Huỳnh Bé L nuôi con chung.

Chị Huỳnh Bé L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trịnh Văn C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí:

Chị Huỳnh Bé L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2015/0014796 ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc.

Anh Trịnh Văn C không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Huỳnh Bé L có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Trịnh Văn C được tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,

tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Châu Đốc (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP. Châu Đốc (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kiều Nga